TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2018
"V/v tranh chấp ly hôn,
yêu cầu nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng

2. Bà Nguyễn Hồng Lành

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Danh Văn An- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long *tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Vũ Loan– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2017/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Kim T , sinh năm 1990.

Trú tại: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992.

Trú tại: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B.

(Chị Lê Kim T, anh Trần Văn T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày ngày 01 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Chị Lê Kim T trình bày: Chị xây dựng hôn nhân với anh Trần Văn T vào 2011 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ

chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp với nhau, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc. Xét thấy hai vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T. Vợ chồng chị có 01 người con chung tên Trần Thị Huyền T sinh ngày 20.10.2010, hiện cháu Huyền T đang sống cùng với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu Huyền T, chị yêu cầu anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung Chị Lê Kim T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề trên.

Anh Trần Văn T không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án nên không thể thu thập chứng cứ từ lời khai từ anh Trần Văn T.

Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Bản tự khai của Chị Lê Kim T, biên bản lấy lời khai của Chị Lê Kim T, giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh của cháu Trần Thị Huyền T, và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa Chị Lê Kim T và anh Trần Văn T; Đơn xác nhận nơi cư trú của anh Trần Văn T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình đúng theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Chị Lê Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đối với bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh Trần Văn T đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy đề nghị căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn T. Từ đó đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về tố tụng cần khắc phục đối với vụ án.

Về nội dung: Chị Lê Kim T và anh Trần Văn T xây dựng hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay xét thấy tình trạng hôn nhân của Chị Lê Kim T và anh Trần Văn T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Lê Kim T đối với anh Trần Văn T; Về con chung: Chị Lê Kim T có yêu cầu nuôi cháu Trần Thị Huyền T, do cháu Huyền T đang trực tiếp sinh sống cùng Chị Lê Kim T, cháu Huyền T có nguyện vọng được sống cùng mẹ, vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao cháu Huyền T cho Chị Lê Kim T nuôi dưỡng, giáo dục. Theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Vì vậy buộc anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Huyền T mỗi tháng là 650.000đ. Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung Chị Lê Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 02 tháng 11 năm 2017 Chị Lê Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T và yêu cầu nuôi con chung; cùng ngày Chị Lê Kim T đã nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Tòa án đã thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Tại phiên tòa Chị Lê Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, vì vậy căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn T và Chị Lê Kim T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Kim T và anh Trần Văn T xây dựng hôn nhân vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây vào ngày 07/3/2011 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Theo chị Lê Kim T xác định quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẩn, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc không thể hàn gắn được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của Chị Lê Kim T và anh Trần Văn T tại địa phương ngày 28/11/2017 thì xác định được vợ chồng Chị Lê Kim T và anh Trần Văn T phát sinh nhiều mâu thuẩn, không thể hàn gắn được do anh Trần Văn T thường xuyên chơi bời, không chí thú làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vả mâu thuẩn nhau. Từ đó có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa Chị Lê Kim T và anh Trần Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của Chị Lê Kim T ly hôn với anh Trần Văn T.

[3] Về quan hệ con chung: Thời kỳ hôn nhân thì giữa Chị Lê Kim T và anh Trần Văn T có 01 người con chung là cháu Trần Thị Huyền T sinh ngày 20.10.2010. Chị Lê Kim T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Huyền T đang chung sống với Chị Lê Kim T, nguyện vọng của cháu cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với mẹ. Hàng tháng Chị Lê Kim T có thu nhập ổn định để nuôi dưỡng cháu, Trong thời gian ly thân anh Trần Văn T cũng không đến thăm nom con chung, ngoài ra thì để đảm bảo cho tâm lý cháu phát triển ổn định, không phải thay đổi môi trường sống vì vậy tiếp tục giao cháu Huyền T cho Chị Lê Kim T nuôi dưỡng giáo dục. Theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Vì vậy buộc anh Trần Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Huyền T mỗi tháng là 650.000đ, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày thụ lý sơ thẩm là ngày 02.11.2017. Anh Trần Văn T được phép thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Kim T phải chịu 300.000đ. Về án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

[6] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Lê Kim T và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung cháu Trần Thị Huyền T sinh ngày 20.10.2010 cho Chị Lê Kim T nuôi dưỡng.

2.2 Anh Trần Văn T phải đóng góp nuôi con với Chị Lê Kim T số tiền 650.000đ/tháng, cho đến khi cháu Trần Thị Huyền T thành niên (đủ 18 tuổi). Ngày bắt đầu cấp dưỡng là ngày 02.11.2017.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Kim T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Chị Lê Kim T đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010345 ngày 02.11.2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long, Chị Lê Kim T đã nộp đủ.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Huỳnh Tố Hiền

Nơi nhận
-TAND tỉnh Bạc Liêu
- CQTHA huyện Phước Long
- VKSND huyện Phước Long
- UBND xã V
- Các đương sự
- Lưu